

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HS-ST

Ngày: 24 - 02 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Quân.

Ông Dương Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982 tại huyện C; Nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L (sống) và bà Trần Thị H (sống); tiền án: không; tiền sự: không; vợ và con: có vợ và 01 con (sinh năm 2005); bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/9/2020 đến nay “có mặt”.

2. Nguyễn Văn C, sinh năm: 1977 tại huyện C; Nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (sống) và bà Kim Thị H (chết); tiền án: không; tiền sự: không; vợ và con: có vợ và 02 con (lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2003); bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/9/2020 đến nay “có mặt”.

- Bị hại: Ông Lê Công T, sinh năm: 1964; Cư trú tại: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1982; Cư trú tại: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

- *Người làm chứng:*

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1959; Cư trú tại: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

Anh Phạm Hoàng V, sinh năm: 1991; Cư trú tại: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 14/6/2020, bị cáo Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki màu đỏ đen, biển kiểm soát 84K6 - 2196 từ nhà bị cáo T đến nhà của bị cáo Nguyễn Văn C, gặp C và Phạm Hoàng V, trong lúc V đi vào nhà của C, T nói chuyện với C và rủ C đi đào cây mai, C vào nhà lấy cây leng (xẻng), T chở C đi đến lộ tế Xóm M thuộc ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, thì T đậu xe ngoài lộ đal, sau đó T và C đi bộ vào khu vực đất trồng dừa của ông Lê Công T đến vị trí có cây mai vàng ở liếp trồng dừa thứ hai tính từ lộ đal đi vào. Lúc này, T tắt đèn pin và bảo C cùng tắt đèn pin đội trên đầu để không bị người khác phát hiện. C dùng leng đào gốc cây mai, T dùng cưa cắt cành, đọt của cây mai, C mệt thì T đào, đến khoảng 20 giờ 45 phút thì đào xong. T và C khiêng cây mai để lên xe, dùng dây ràng T mang theo buộc cây mai trên xe, T chạy xe chở cây mai, C đi bộ về. Khi T chạy xe đến lộ đal trước nhà ông Nguyễn Văn Đ, cây mai đụng vào máy tol rơi xuống lộ, T chạy xe quay lại chở C đến nơi cây mai bị rơi, tiếp tục khiêng cây mai lên xe dùng dây ràng buộc chặt cho T chở cây mai về để bên cây cầu khỉ qua nhà T, C đi về nhà C. Đến 06 giờ 10 phút ngày 15/6/2020 thì T qua nhà C gọi C qua nhà để đào cây mai trước nhà của T, C gọi thêm V qua phụ đào mai. Khi đào xong thì T, C và V khiêng cây mai đào trộm được trồng vào vị trí cây mai T vừa đào lên trước sân nhà T. Sau đó, T trả tiền công cho C 400.000 đồng, trong đó có 300.000 đồng tiền thuê đào mai tối ngày 14/6/2020, nhưng do C nợ T 100.000 đồng, nên T chỉ trả cho C 200.000 đồng; 200.000 đồng là tiền công đào và trồng cây mai trước sân nhà T sáng 15/6/2020 cho C và V mỗi người 100.000 đồng.

Sau khi phát hiện cây mai bị đào trộm, ông Lê Công T đi tìm và phát hiện cây mai đang được trồng trước sân nhà của T nên trình báo sự việc cho Cơ quan Công an. Sau đó, Công an triệu tập bị cáo T, bị cáo C lên làm việc, thì các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi đào trộm cây mai. Anh Nguyễn Hoàng V không biết sự việc đào trộm mai, nên không đặt ra xem xét.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 3623/KL-HĐĐGTS ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Sóc Trăng, kết luận: giá 01 (một) cây mai vàng đã bị cắt hết cành có chiều cao 1,14 cm từ mặt

đất lên, chu vi thân (hoành) 38 cm, tại thời điểm định giá ngày 15/6/2020 là 4.800.000 đồng.

Vật chứng trong vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Cù Lao Dung đã thu giữ: 01 (một) cây cưa có chiều dài tổng cộng 40 cm, lưỡi bằng kim loại màu nâu bị rỉ sét, phần lưỡi mắc vào cán cưa bằng 02 ốc kim loại, lưỡi cưa rộng nhất 3,8 cm, hẹp nhất 01 cm, cán cưa bằng gỗ màu vàng, hình cong, chiều dài 14 cm, rộng nhất 04 cm, nhỏ nhất 3,3 cm, bề dày 1,3 cm; 01 (một) sợi dây ràng màu xanh đen, chất liệu bằng thun, chiều dài 02 m, rộng 05 cm, hai đầu có mắc đoạn kim loại có dạng hình móc; 01 (một) cây leng có tổng chiều dài 1,2 m, cán gỗ tròn có chiều dài 94 cm, phần lưỡi leng bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng nên có phần rỉ sét, lưỡi leng dài 26 cm, phần rộng nhất của lưỡi leng 16,5 cm, phần hẹp nhất của lưỡi leng 12,5 cm, chu vi lớn nhất của cán gỗ 14 cm, chu vi nhỏ nhất của cán gỗ 12 cm; 01 (một) cây đèn pin đội đầu có màu vàng xanh, có dây đội đầu bằng dây thun co giãn, mặt ngoài của dây màu đen, mặt trong của dây màu xanh nhạt, đường kính mặt đèn 3,5 cm, thân đèn dài 6,5 cm, có nút bật tắt màu đen; 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 84K6 -2196, nhãn hiệu Suzuki, màu sơn đỏ đen; dung tích 110, số máy E456117032, số khung 4DW09010192; 01 (một) cây mai vàng đã bị cắt hết cành có chiều cao 1,14 m từ mặt đất lên, chu vi thân (hoành) 38 cm, vẫn còn sống. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả cây mai cho bị hại ông Lê Công T, ông T đã nhận lại cây mai còn sống và không có yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 24/CT-VKS-CLD ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung giữ nguyên quyết định truy tố về hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C và đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị cáo có ông nội là Nguyễn Văn Đ có Bằng khen của Trung Ương Đoàn về có công với cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Nguyễn Văn C có các tình tiết giảm nhẹ: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 đến 05 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn C từ 03 đến 05 tháng tù nhưng được hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo T và bị cáo C có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Lê Công T không yêu cầu bồi thường, không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng của vụ án: đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 (một) cây cưa có chiều dài tổng cộng 40 cm, lưỡi bằng kim loại màu nâu bị rỉ sét, phần lưỡi mắc vào cán cưa bằng ốc kim loại, lưỡi cưa rộng nhất 3,8 cm, hẹp nhất 01 cm, cán cưa bằng gỗ màu vàng, hình cong, chiều dài 14 cm, rộng nhất 04 cm, nhỏ nhất 3,3 cm, bề dày 1,3 cm; 01 (một) sợi dây ràng màu xanh đen, chất liệu bằng thun, chiều dài 02 m, rộng 05 cm, hai đầu có mắc đoạn kim loại có dạng hình móc; 01 (một) cây lạng có tổng chiều dài 1,2 m, cán gỗ tròn có chiều dài 94 cm, phần lưỡi lạng bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng nên có phần rỉ sét, lưỡi lạng dài 26 cm, phần rộng nhất của lưỡi lạng 16,5 cm, phần hẹp nhất của lưỡi lạng 12,5 cm, chu vi lớn nhất của cán gỗ 14 cm, chu vi nhỏ nhất của cán gỗ 12 cm; 01 (một) cây đèn pin đội đầu có màu vàng xanh, có dây đội đầu bằng dây thun co giãn, mặt ngoài của dây màu đen, mặt trong của dây màu xanh nhạt, đường kính mặt đèn 3,5 cm, thân đèn dài 6,5 cm, có nút bật tắt màu đen.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị N 01 (một) chiếc xe mô tô biển kiểm soát 84K6 -2196, nhãn hiệu Suzuki, màu sơn đỏ đen, đã qua sử dụng.

Buộc bị cáo T, bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị hại Lê Công T: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, bị cáo C, không yêu cầu các bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Ý kiến của bị cáo T và bị cáo C: thừa nhận toàn bộ hành vi đào trộm cây mai, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội theo cáo trạng đã nêu; các bị cáo đã nhận được kết luận định giá tài sản, không có ý kiến và xin giảm nhẹ một phần hình phạt. Lời nhận tội của bị cáo T, C phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Nên đã có đủ cơ sở xác định: vào khoảng 19 giờ 30 phút

ngày 14/6/2020, bị cáo T thuê bị cáo C cùng đi đào trộm cây mai của ông T tại phần đất của ông T thuộc ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, đến 20 giờ 45 phút, sau khi đào trộm xong T cùng C dùng xe mô tô vận chuyển cây mai về để bên cây cau khi đi vào nhà T. Đến sáng ngày 15/6/2020, T cùng C và V đào cây mai của T trước sân nhà, sau đó trồng cây mai trộm được vào chỗ cây mai vừa được đào để che giấu tài sản trộm được; kết quả điều tra, xác định cây mai có giá trị 4.800.000 đồng.

[3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, các bị cáo là công dân Việt Nam, đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý lén lút đào trộm cây mai của người khác, tài sản các bị cáo trộm có giá trị 4.800.000 đồng, hành vi của các bị cáo đã phạm vào phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng số: 24/CT-VKS-CLD ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung truy tố các bị cáo theo tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang cho người dân và gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý trách nhiệm của các bị cáo trước pháp luật. Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết, tăng nặng, giảm nhẹ hình sự cho các bị cáo.

[4.1) Trong vụ án này, các bị cáo là đồng phạm, bị cáo T là người rủ rê và là người thực hành; bị cáo C là người giúp sức nhưng giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò nhiệm vụ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không mang tính tổ chức; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có ông nội Nguyễn Văn Đ là người có công với cách mạng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do vậy, đối với bị cáo T cần có mức hình phạt nghiêm, nặng hơn bị cáo C mới tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, tuy nhiên cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội. Nên mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đối với bị cáo T từ 03 đến 05 tháng tù là có căn cứ chấp nhận.

[4.1] Bị cáo C phạm tội với vai trò là người giúp sức cho bị cáo T; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự (được sửa đổi,

bổ sung năm 2017). Bị cáo thiếu hiểu biết pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ áp dụng hình phạt cải tạo, giáo dục bị cáo tại địa phương. Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đối với bị cáo C từ 03 đến 05 tháng tù, nhưng được hưởng án treo là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì các bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của các bị cáo không có thu nhập ổn định, có hoàn cảnh khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Lê Công T không có yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: tịch thu, tiêu hủy 01 (một) cây cưa có chiều dài tổng cộng 40 cm, lưỡi bằng kim loại màu nâu bị rỉ sét, phần lưỡi mắc vào cán cưa bằng 02 ốc kim loại, lưỡi cưa rộng nhất 3,8 cm, hẹp nhất 01 cm, cán cưa bằng gỗ màu vàng, hình cong, chiều dài 14 cm, rộng nhất 04 cm, nhỏ nhất 3,3 cm, bề dày 1,3 cm; 01 (một) sợi dây ràng màu xanh đen, chất liệu bằng thun, chiều dài 02 m, rộng 05 cm, hai đầu có mắc đoạn kim loại có dạng hình móc; 01 (một) cây lạng có tổng chiều dài 1,2 m, cán gỗ tròn có chiều dài 94 cm, phần lưỡi lạng bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng nên có phần rỉ sét, lưỡi lạng dài 26 cm, phần rộng nhất của lưỡi lạng 16,5 cm, phần hẹp nhất của lưỡi lạng 12,5 cm, chu vi lớn nhất của cán gỗ 14 cm, chu vi nhỏ nhất của cán gỗ 12 cm; 01 (một) cây đèn pin đội đầu có màu vàng xanh, có dây đội đầu bằng dây thun co giãn, mặt ngoài của dây màu đen, mặt trong của dây màu xanh nhạt, đường kính mặt đèn 3,5 cm, thân đèn dài 6,5 cm, có nút bật tắt màu đen.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 84K6 - 2196, nhãn hiệu Suzuki, màu sơn đỏ đen, đã qua sử dụng là tài sản được mua từ tiền riêng của vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị N, vợ bị cáo không hay biết sự việc phạm tội của bị cáo; chiếc xe là phương tiện dùng vào việc mưu sinh, kiếm sống chính của chị N, nên cần trả lại chiếc xe cho chị N.

[8] Về án phí: các bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 47, khoản 3 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 47, khoản 3 Điều 54, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 136 của Bộ

luật tố tụng hình sự; Điều 2, Điều 6 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với Nguyễn Văn C.

Căn cứ khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Văn C.

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện thi hành án hoặc bị bắt đi thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn C 03 tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày 24 tháng 02 năm 2021.

Giao bị cáo Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân xã An Thạnh 2, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cây cưa có chiều dài tổng cộng 40 cm, lưỡi bằng kim loại màu nâu bị rỉ sét, phần lưỡi mắc vào cán cưa bằng 02 ốc kim loại, lưỡi cưa rộng nhất 3,8 cm, hẹp nhất 01 cm, cán cưa bằng gỗ màu vàng, hình cong, chiều dài 14 cm, rộng nhất 04 cm, nhỏ nhất 3,3 cm, bề dày 1,3 cm; 01 (một) sợi dây ràng màu xanh đen, chất liệu bằng thun, chiều dài 02 m, rộng 05 cm, hai đầu có mắc đoạn kim loại có dạng hình móc; 01 (một) cây lạng có tổng chiều dài 1,2 m, cán gỗ tròn có chiều dài 94 cm, phần lưỡi lạng bằng kim loại màu trắng đã qua sử dụng nên có phần rỉ sét, lưỡi lạng dài 26 cm, phần rộng nhất của lưỡi lạng 16,5 cm, phần hẹp nhất của lưỡi lạng 12,5 cm, chu vi lớn nhất của cán gỗ 14 cm, chu vi nhỏ nhất của cán gỗ 12 cm; 01 (một) cây đèn pin đội đầu có màu vàng xanh, có dây đội đầu bằng dây thun co giãn, mặt ngoài của dây màu đen, mặt trong của dây màu xanh nhạt, đường kính mặt đèn 3,5 cm, thân đèn dài 6,5 cm, có nút bật tắt màu đen.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị N chiếc xe mô tô biển kiểm soát 84K6 -2196, nhãn hiệu Suzuki, màu sơn đỏ đen, đã qua sử dụng, dung tích 110, số máy E456117032, số khung 4DW090101192.

(Vật chứng nêu trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/12/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung và Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Cù Lao Dung).

4. Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Văn C mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5 Về quyền kháng cáo bản án: các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện Cù Lao Dung;
- Các bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan